TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 653/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 08/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Tổ 5, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp L2, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà Phan Thị Kim L) trình bày:

Bà L và bà N có mối quan hệ quen biết nhau, do tin tưởng bà N nên bà L cho bà N vay tiền. Ngày 14/11/2022, bà L cho bà N vay số tiền 59.000.000 đồng, bà N đã ký tên và lăn tay vào giấy mượn tiền.

Quá trình vay nợ bà L đã yêu cầu bà N trả nợ nhiều lần nhưng bà N cố tình trốn tránh, không chịu thanh toán nợ cho bà L.

Theo đơn khởi kiện bà Liên yêu cầu bà Nhị trả tổng số tiền vay còn nợ là 68.440.000 đồng, gồm: 59.000.000 đồng tiền gốc, 9.440.000 đồng tiền lãi từ ngày 14/02/2023 đến ngày 14/6/2024 là 16 tháng với mức lãi suất 1%/tháng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại buổi công khai chứng cứ và tại phiên toà, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ gốc là 59.000.000 đồng.

Ngoài khoản nợ này, bà N không còn nợ bà L khoản nợ nào khác.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì khác.

*Trong quá trình tố tụng, Tòa án thực hiện thủ tục triệu tậ*p *và cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 59.000.000 đồng. Bà N hiện đang cư trú tại ấp Long Chiểu, Long Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên công khai chứng cứ và tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu về số tiền lãi 9.440.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp

với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà L yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn nợ là 59.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 14/11/2022. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã được Toà án niêm yết bản sao giấy cho vay tiền cũng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác tại nhà bị đơn để bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối nội dung nguyên đơn tranh chấp với bị đơn. Xét giấy mượn tiền đề ngày đề ngày 14/11/2022, có cơ sở xác định: Giữa bà L và bà N đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà L là bên cho vay, còn bà N là bên vay, số tiền vay là 59.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà L đã thông báo nhiều lần nhưng bà N vẫn không tiếp tục thực hiện việc trả nợ là bà N đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà L về việc buộc bà N thanh toán số tiền 59.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị Kim L số tiền là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Kim L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 9.440.000 đồng (chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Phan Thị Kim L số tiền 1.711.000 đồng (một triệu bảy trăm mười một ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007070 ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2025).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Tuyền